

Công ty Quản lý quỹ/Fund Management Company name: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments/Eastspring Investments Fund Management Company
Quỹ/Fund name: Quỹ đầu tư năng động Eastspring Investments Việt Nam/Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund (ENF)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ MỞ/FINANCIAL REPORT

Tháng/Month8

Năm/Year2022

Thông tư 198/2012/TT-BTC		
STT/No.	Nội dung/Report	Tên sheet/Sheet name
1	Báo cáo thu nhập/Profit and Loss Report	BCThuNhap_06203
2	Báo cáo tình hình tài chính/Asset Report	BCTinhHinhTaiChinh_06105

Ghi chú/Note

Không đổi tên sheet/Sheet name must not be changed
Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu"/It is not required to report those indicators that no data, however code must not be changed

Tp. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City, ngày/day 07 tháng/month 09 năm/year 2022

Đại diện có thẩm quyền
của Ngân hàng Giám
sát/Supervising Bank

Công ty Quản lý quỹ/Fund Management Company

Người lập biểu/Prepared
by

Kế toán trưởng/Chief of
Accountant

Tổng Giám đốc/Chief
Executive Officer

Chi tiêu/Indicators	Mã số/Code	Thuyết minh/Note	2022		2021	
			Tháng/Month 8 Năm/Year 2022	Lũy kế từ đầu năm/Accumulation from the beginning of the year	Tháng/Month 8 Năm/Year 2021	Lũy kế từ đầu năm/Accumulation from the beginning of the year

Chi tiêu/Indicators	Mã số/Code	Thuyết minh/Note	31/08/2022	31/12/2021
---------------------	---------------	---------------------	------------	------------

STT/ No	Chỉ tiêu/Indicators	Mã số/Co	Tháng/Month 8 Năm/Year 2022	Tháng/Month 7 Năm/Year 2022
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ/NAV at the beginning of the period	4060	201,952,248,283	200,691,918,567
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước/Changes of NAV during the period (= II.1 + II.2), trong đó/In which	4061	5,689,470,304	1,114,910,866
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ/Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment in the period	4062	5,689,470,304	1,114,910,866
	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ/Changes of NAV due to profit/assets distribution to investors	4063	-	-
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ/Changes of NAV due to subscription/redemption (= III.1 – III.2)	4064	(65,839,627)	145,418,850
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ/Increase from subscription	4065	161,297,415	223,936,093
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ/(Decrease) from redemption	4066	(227,137,042)	(78,517,243)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ/NAV at the end of period (= I + II + III)	4067	207,575,878,960	201,952,248,283